

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 25 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung. Ngày tháng năm sinh: 09/9/1980
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Phước Thạnh.
- Nơi thường trú: Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 082180004495, ngày cấp 02/1/2023 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Trọng Liệu. Ngày tháng năm sinh: 1972
- Nghề nghiệp: Bộ đội
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Bệnh viện 120 - Quân khu IX
- Nơi thường trú: Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 036072011166 ngày cấp 20/1/2023 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Trọng Phúc Ngày tháng năm sinh: 13 tháng 11 năm 2007
- Nơi thường trú: Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 082209008924

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Trần Anh Đức
- Ngày tháng năm sinh: 18 tháng 11 năm 2012
- Nơi thường trú: Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: không có

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾ Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.

nhyl

- ### 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

- Loại đất: Không có Địa chỉ: Không có
- Diện tích: Không có
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không có

- 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Khai trương tự như thừa thứ nhất.

2.1. Nhà ở:

- Địa chỉ: Tổ 34 - Ấp Tân Thuận B - Bình Đức - Châu Thành - Tiền Giang.

- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

uhyl

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Không có
- Loại công trình: Không có
- Diện tích: Không có
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không có
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có
- Thông tin khác (nếu có): Không có

Địa chỉ: Không có

Cấp công trình: Không có

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- | | | |
|----------------------|--------------------|------------------------------------|
| - Loại cây: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có |
| - Loại cây: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có |

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- | | | |
|-----------------------|---------------------|------------------------------------|
| - Loại rừng: Không có | Diện tích: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có |
| - Loại rừng: Không có | Diện tích: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có |

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- | | | |
|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| - Tên gọi: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có |
| - Tên gọi: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị ⁽¹⁰⁾ : Không có. |

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- | | | |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| - Tên cổ phiếu: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị: Không có |
| - Tên cổ phiếu: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị: Không có |

6.2. Trái phiếu:

- | | | |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| - Tên trái phiếu: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị: Không có |
| - Tên trái phiếu: Không có | Số lượng: Không có | Giá trị: Không có |

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- | | |
|-------------------------------|-------------------|
| - Hình thức góp vốn: Không có | Giá trị: Không có |
| - Hình thức góp vốn: Không có | Giá trị: Không có |

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| - Tên giấy tờ có giá: Không có | Giá trị: Không có |
| - Tên giấy tờ có giá: Không có | Giá trị: Không có |

nhql

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Không có Số đăng ký: Không có Giá trị: Không có
- Tên tài sản: Không có Số đăng ký: Không có Giá trị: Không có

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Không có Năm bắt đầu sở hữu: Không có Giá trị: Không có
- Tên tài sản: Không có Năm bắt đầu sở hữu: Không có Giá trị: Không có

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản: Không có số tài khoản: Không có

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 276.505.044 (12 tháng)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 9.042.087 đ. Bao gồm: Lương + Phụ cấp chức vụ + vượt khung: 5.944.590đ. Phụ cấp thâm niên: 772.797đ. Phụ cấp ưu đãi: 2.324.700đ.

- Tổng thu nhập của chồng: 14.000.000đ/tháng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC

CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

nhyl

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.		276.505.044 đồng	- Tổng thu nhập của người kê khai: 9.042.087 đ. Bao gồm: Lương + Phụ cấp chức vụ + vượt khung: 5.944.590đ. Phụ cấp thâm niên: 772.797đ. Phụ cấp ưu đãi: 2.324.700đ.
---	--	------------------	--

nhyl

			Tổng thu nhập: 108.505.044đ (12 tháng) - Tổng thu nhập của chồng: 14.000.000đ/tháng (168.000.000 đ/12 tháng)
--	--	--	---

Phước Thạnh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Kiều Oanh

Phước Thạnh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Phạm Thị Hồng Nhung